ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 465 /KH-UBND	*Lào Cai, ngày 30 tháng 9 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Nghị quyết số 88-NQ/TU ngày 13/7/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Nghị quyết số 88-NQ/TU ngày 13/7/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 88-NQ/TU thành các nhiệm vụ, chương trình, đề án và kế hoạch để triển khai thực hiện; bảo đảm triển khai đồng bộ, thống nhất, hiệu quả.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu; huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tăng cường phối hợp giữa Nhà nước, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan trong phát triển nguồn nhân lực.

2. Yêu cầu

- Bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 88-NQ/TU; phù hợp Quy hoạch tỉnh và điều kiện thực tiễn của địa phương. Phân công nhiệm vụ rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả; bảo đảm khả thi, đồng bộ, tránh chồng chéo. Gắn phát triển nguồn nhân lực với phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các ngành, lĩnh vực động lực của tỉnh.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa và hợp tác phát triển nguồn nhân lực.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai có chất lượng, cơ cấu hợp lý, kỹ năng hiện đại, có khả năng thích ứng nhanh với chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; nguồn nhân lực khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; góp phần nâng cao năng suất lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Về giáo dục phổ thông

- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; 100% xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 và xóa mù chữ mức độ 2;

- Có ít nhất 90% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học lên trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên; tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông đạt 50%;

- Có ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành trung học phổ thông và tương đương; giảm mạnh chênh lệch chất lượng giáo dục giữa các vùng;

- Có 10% số học sinh là người dân tộc thiểu số cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông được học trong trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông nội trú; 100% trường nội trú đạt chuẩn theo quy định;

- Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt 85%. Xây dựng Trường Cao đẳng nghề Yên Bái, Trường Cao đẳng Lào Cai và Trường trung cấp Dân tộc nội trú Nghĩa Lộ đạt chuẩn quốc gia; toàn tỉnh có 30 trường trọng điểm chất lượng. Tỷ lệ phòng học được kiên cố hóa đạt 100%;

- Chỉ số giáo dục đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,65 điểm.

b) Về giáo dục nghề nghiệp, lao động và việc làm

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó tỷ lệ lao động đã đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 36%. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm 2030 giảm xuống còn dưới 42%; bình quân mỗi năm giải quyết việc làm mới cho trên 30.000 lao động; bình quân mỗi năm chuyển dịch 1,7% lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, tương ứng với khoảng 7.000 lao động/năm;

- Tỷ lệ người học nghề có việc làm sau 6-12 tháng tốt nghiệp đạt từ 80%;

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động qua đào tạo đạt 70%;

- 100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp triển khai hiệu quả mô hình "đào tạo kép", "đào tạo tại doanh nghiệp";

- Tốc độ tăng năng suất lao động tăng bình quân trên 6,5%/năm.

c) Về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Phấn đấu tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh có trình độ trên đại học đạt từ 30% trở lên; tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã có trình độ trên đại học đạt từ 15% trở lên;

- Phấn đấu từ 20% công chức, viên chức có khả năng giao tiếp cơ bản bằng ngoại ngữ; từ 3% công chức, viên chức có đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế;

- Tỷ lệ trẻ hóa đội ngũ cán bộ, công chức (dưới 42 tuổi):

+ Phấn đấu từ 10% trở lên cán bộ trẻ tham gia cấp ủy cấp tỉnh; từ 20% trở lên cán bộ trẻ tham gia cấp ủy cấp xã; từ 20% trở lên cán bộ trẻ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng trở lên. Trong đó, từ 3% trở lên đối với cán bộ nữ; từ 5% trở lên đối với cán bộ là người dân tộc thiểu số;

+ Phấn đấu từ 15% cán bộ trẻ được quy hoạch chức danh lãnh đạo cấp phòng trở lên; trong đó đạt từ 25% trở lên là nữ và từ 30% trở lên là người dân tộc thiểu số.

- Duy trì tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số tham gia cấp ủy tỉnh đạt từ 30% trở lên; tỷ lệ trung bình cán bộ người dân tộc thiểu số tham gia cấp ủy các xã, phường vùng thấp đạt từ 20% đến 30%, các xã vùng cao trung bình từ 50% trở lên tương xứng phù hợp với cơ cấu tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số ở từng địa phương; phấn đấu tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng trở lên đạt tỷ lệ trên 30%;

- Phấn đấu tỷ lệ cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ tham gia cấp ủy đạt từ 10 - 15%;

- 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng theo quy định. 100% công chức cấp tỉnh, cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm và bồi dưỡng về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Phấn đấu 100% cán bộ, công chức, viên chức có kỹ năng số cơ bản; hình thành lực lượng nòng cốt về chuyển đổi số (cán bộ công nghệ thông tin, an ninh mạng);

- Phấn đấu từ 80% cán bộ trong quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; quy hoạch cấp ủy cấp tỉnh, cấp xã được đào tạo trình độ lý luận chính trị trung cấp, cao cấp;

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt trên 95%.

d) Về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

- Cử 150-200 lượt cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ trẻ tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, học tập kinh nghiệm tại các nước phát triển trên thế giới về các lĩnh vực trọng điểm, then chốt và cấp thiết của tỉnh (như: chuyển đổi số; công nghệ thông tin; quản lý nhà nước về văn hóa, du lịch, quản trị và vận hành chính quyền hiện đại, y tế, giáo dục, logistics cửa khẩu, đối ngoại, nông nghiệp và công nghiệp chế biến...);

- Phấn đấu thu hút khoảng 400 nhân lực chất lượng cao trình độ đại học trở lên (là sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc; người có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; chuyên gia trong các lĩnh vực trọng điểm, then chốt, cấp thiết của tỉnh như AI, y tế, du lịch, logistics, cửa khẩu, đối ngoại, nông nghiệp và công nghiệp chế biến; trong đó có ít nhất 05 người thuộc đối tượng thu hút, trọng dụng theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

- Nâng cao tỷ lệ bác sỹ có trình độ sau đại học, đặc biệt là chuyên khoa, thạc sỹ tại tuyến xã, khu vực; phấn đấu đến năm 2030, có trên 70% bác sĩ có trình độ sau đại học và đạt 15,5 bác sĩ/10.000 dân.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực

a) Nhiệm vụ, giải pháp

Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết số 88-NQ/TU và Kế hoạch này đến các cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và Nhân dân; nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của phát triển nguồn nhân lực là một trong những khâu đột phá chiến lược của tỉnh.

Rà soát, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực trong chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, từng lĩnh vực và địa phương; gắn phát triển nguồn nhân lực với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các ngành kinh tế động lực của tỉnh.

Rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực; kịp thời cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương và của Tỉnh ủy thành các cơ chế, chính sách của tỉnh.

Xây dựng, cập nhật và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về nguồn nhân lực của tỉnh; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các ngành; nâng cao chất lượng công tác thống kê, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực theo từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch; định kỳ sơ kết, tổng kết, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội trong tuyên truyền, giám sát, phản biện xã hội, khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và huy động các nguồn lực tham gia phát triển nguồn nhân lực.

b) Phân công thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ

- Cơ quan phối hợp và triển khai thực hiện: Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành và tương đương; Ủy ban nhân dân các xã, phường.

2. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực từ giáo dục phổ thông

a) Nhiệm vụ, giải pháp

Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030.

Tiếp tục sắp xếp mạng lưới trường, lớp phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và điều kiện thực tiễn, ưu tiên hoàn thiện hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú liên cấp khu vực biên giới. Tăng bền vững số lượng trường học đạt chuẩn quốc gia; ưu tiên đầu tư cho các trường trọng điểm, trường nội trú, trường bán trú. Thu hẹp khoảng cách chất lượng giáo dục giữa các vùng; ưu tiên phát triển giáo dục vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, xây dựng trường học thông minh, trường học hạnh phúc.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có phẩm chất, năng lực, tâm huyết; đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, kỹ năng số, ứng dụng chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát triển giáo dục STEM, giáo dục số, giáo dục hướng nghiệp; tăng cường liên kết giữa giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học. Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học khu vực đô thị; mở rộng giảng dạy tiếng Trung tại khu vực biên giới đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế cửa khẩu và hội nhập quốc tế.

b) Phân công thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Cơ quan phối hợp, triển khai thực hiện: Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; các cơ sở giáo dục đào tạo; UBND các xã, phường, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thị trường lao động

a) Nhiệm vụ, giải pháp

Rà soát, sắp xếp mạng lưới, nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hiện đại, gắn với nhu cầu phát triển nhân lực của tỉnh. Xây dựng trường Cao đẳng nghề Yên Bái, trường Cao đẳng Lào Cai và trường Trung cấp dân tộc nội trú Nghĩa lộ đạt chuẩn quốc gia. Từng bước sắp xếp, chuyển đổi mô hình hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo lộ trình.

Phối hợp mở rộng quy mô đào tạo trình độ đại học, sau đại học của Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai; tăng cường hợp tác, liên kết đào tạo với các trường đại học trọng điểm quốc gia, các cơ sở đảo tạo có uy tín trong vả ngoài nước; chú trọng đào tạo ngoại ngữ cho lao động đi làm việc ở nước ngoài; thu hút các cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu đại học, trung tâm đào tạo chất lượng cao đầu tư, hoạt động trên địa bản tỉnh; từng bước xây dựng Lào Cai trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực của vùng Trung du vả miền núi phía Bắc.

Đẩy mạnh đào tạo các ngành, nghề mới gắn với chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, thương mại điện tử... đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và kinh tế tri thức. Hằng năm chọn cử học sinh, sinh viên tham gia các chương trình đảo tạo theo địa chỉ, hoặc theo diện hiệp định đối với các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh (như: Khoa học công nghệ, chuyển đổi số, công nghệ thông tin, logistlcs, y tế, giáo dục, du lịch, quản trị công, các ngành kỹ thuật) tại các cơ sở đào tạo có uy tín trong nước, cắc nước có nền giáo dục phát triển trên thế giới; bảo đảm gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng và bố trí công tác sau đào tạo.

Triển khai hiệu quả mô hình liên kết "Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp". Mở rộng đào tạo theo địa chỉ, đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp; tăng cường đào tạo tại doanh nghiệp, đào tạo theo nhu cầu sử dụng và đặt hàng của doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp phối hợp cùng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc đào tạo, bố trí thực hành, thực tập và tuyển dụng sau đào tạo.

Xác định ngành, nghề và kỹ năng đào tạo ưu tiên trên cơ sở nhu cầu nhân lực và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề; phát triển các ngành nghề trọng điểm, ngành nghề mới gắn với chuyển đổi số, kinh tế xanh, logistics, du lịch, công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao.

Tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng, gắn với vùng nguyên liệu, chuỗi giá trị và nhu cầu địa phương. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao để hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và cán bộ quản trị Hợp tác xã hiện đại. Phát triển kỹ năng nghề, kỹ năng số, kỹ năng ngoại ngữ cho người lao động; Tăng cường đào tạo lại, đào tạo thường xuyên để thích ứng với chuyển dịch cơ cấu lao động; đào tạo kỹ năng số, ngoại ngữ, kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số và hội nhập quốc tế.

Tăng cường đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, hệ thống trang thiết bị, đội ngũ nhà giáo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động, tăng cường liên thông và khai thác dữ liệu người lao động; nâng cao chất lượng phân tích, dự báo cung - cầu lao động, nhu cầu nhân lực theo ngành, nghề, trình độ và địa bàn, phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh.

Nâng cao hiệu quả kết nối cung - cầu lao động; đẩy mạnh hiệu quả công tác dự báo nhu cầu nhân lực kỹ thuật và nhu cầu đào tạo theo cơ cấu ngành, nghề và trình độ đào tạo phục vụ phát triển các ngành kinh tế trọng điểm; tập trung các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao, tự động hóa, chuyển đổi số; logistics, kinh tế cửa khẩu, xuất nhập khẩu, thương mại quốc tế và thương mại điện tử; phối hợp, gắn kết chặt chẽ giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở dịch vụ việc làm, Sàn giao dịch việc làm kết nối cung cầu lao động.

Đánh giá kết quả đào tạo và sử dụng nhân lực, làm cơ sở điều chỉnh nhu cầu, ngành nghề và nội dung đào tạo.

b) Phân công thực hiện

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì các nhiệm vụ về đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và nâng cao trình độ, kỹ năng cho người lao động;

- Sở Nội vụ chủ trì các nhiệm vụ về thông tin thị trường lao động, kết nối việc làm, dịch chuyển lao động, thu hút và sử dụng nguồn nhân lực theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Cơ quan phối hợp, triển khai thực hiện: Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Thống kê tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

4. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của tỉnh

4.1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ

a) Nhiệm vụ, giải pháp

Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, chủ chốt các cấp, nhất là cán bộ cấp cơ sở "gọn về tổ chức, tinh về chất lượng, mạnh về năng lực, chuẩn về phẩm chất, hiệu quả trong thực thi nhiệm vụ".

Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, năng lực thực tiễn và kết quả thực hiện nhiệm vụ;

Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án, Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở trong nước và nước ngoài theo lộ trình hằng năm, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về quản trị công hiện đại, lĩnh vực chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, y tế, giáo dục, logistics, du lịch, công tác dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh, bảo đảm gắn đào tạo với bố trí, sử dụng và phát huy hiệu quả sau đào tạo.

Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý; tăng cường đào tạo kỹ năng lãnh đạo, điều hành, bám sát cơ sở; tiếp xúc, đối thoại, vận động, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân và kỹ năng xử lý tình huống trong thực tiễn.

Thực hiện hiệu quả các chính sách phát triển đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số; xây dựng cơ chế phát hiện, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó ưu tiên nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc và người có phẩm chất, năng lực nổi trội; đồng thời gắn công tác tạo nguồn với quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng để từng bước hình thành đội ngũ cán bộ kế cận và phát triển đội ngũ chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh.

Rà soát, tuyển chọn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học công nghệ có đủ trình độ, năng lực, phẩm chất tham gia Đề án số 11-ĐA/TU ngày 17/7/2026 của Tỉnh ủy Lào Cai; luân chuyển cán bộ trẻ, được đào tạo cơ bản, có phẩm chất, năng lực ở các cơ quan cấp tỉnh nhưng chưa qua thực tiễn ở địa phương để nâng cao kiến thức, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn.

Đẩy mạnh đào tạo kỹ năng số, kỹ năng lãnh đạo số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu và quản trị hiện đại cho cán bộ, công chức, viên chức. Tổ chức đào tạo theo hướng thực hành, gắn với các nền tảng số đang sử dụng và nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, đơn vị. Bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ đầu mối về quản trị dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phân tích dữ liệu, ứng dụng AI, kiến trúc số và an toàn thông tin; kết hợp đào tạo trực tiếp với trực tuyến.

Xây dựng cơ chế đánh giá cán bộ gắn với kết quả đầu ra và hiệu quả công việc. Thường xuyên rà soát, sàng lọc, cơ cấu lại đội ngũ; kiên quyết thay thế kịp thời cán bộ năng lực yếu, thiếu trách nhiệm, né tránh, đùn đẩy, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đồng thời có cơ chế khuyến khích, bảo vệ, trọng dụng cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; tạo môi trường, động lực để cán bộ đổi mới, sáng tạo, dấn thân, cống hiện, tận tụy phục vụ nhân dân.

Tổ chức kiểm tra, đánh giá trước và sau đào tạo, lấy kết quả ứng dụng trong thực tế làm tiêu chí đánh giá.

b) Phân công thực hiện

- Sở Nội vụ chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước về cán bộ, công chức, viên chức; tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh đào tạo, bồi dưỡng hằng năm ở trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức khối chính quyền; tham mưu đánh giá, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định; thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tuyển dụng;

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nước ngoài theo lộ trình hằng năm; Đề án số 11-ĐA/TU ngày 17/7/2026 của Tỉnh ủy Lào Cai tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học công nghệ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; cán bộ chiến lược của tỉnh Lào Cai đến năm 2030, định hướng đến năm 2040; triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền quản lý;

- Cơ quan phối hợp, triển khai thực hiện: Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành và tương đương; Trường Chính trị tỉnh; các xã, phường.

4.2. Phát triển nguồn nhân lực phục vụ các ngành kinh tế động lực và các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh

a) Nhiệm vụ, giải pháp

Sở Nội vụ

Rà soát, dự báo nhu cầu nhân lực theo ngành, nghề, trình độ, cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp và người dân; Chuyển từ phát triển số lượng sang nâng cao chất lượng nhân lực, bảo đảm đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu ngành nghề và trình độ đáp ứng nhu cầu của các ngành kinh tế động lực và các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh; Lồng ghép mục tiêu tạo việc làm bền vững trong quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị, chương trình thu hút đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp; ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, có hoạt động chuyển giao công nghệ, đào tạo lao động và tạo việc làm có năng suất, thu nhập cao.

Thúc đẩy mô hình liên kết 4 nhà gồm Nhà nước – Nhà trường – Nhà doanh nghiệp – Nhà khoa học để đào tạo theo đơn đặt hàng và nhu cầu thực tiễn của thị trường; ưu tiên các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao như công nghiệp chế biến, chế tạo, logistics, thương mại điện tử, dịch vụ chất lượng cao, kinh tế số và kinh tế xanh; tổ chức tuyển dụng, đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng nghề, kỹ năng số, ngoại ngữ; khuyến khích đánh giá, công nhận kỹ năng nghề quốc gia và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; ưu tiên đào tạo nhân lực phục vụ các ngành, lĩnh vực trọng điểm và các dự án đầu tư có nhu cầu sử dụng lao động lớn.

Phát triển đồng bộ thị trường lao động, tăng cường điều tra, cập nhật thông tin cung - cầu, dự báo nhu cầu tuyển dụng và kết nối việc làm; có giải pháp thu hút, sử dụng và giữ chân chuyên gia, nhà quản lý, kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề.

Cải thiện hạ tầng xã hội gồm nhà ở công nhân, thiết chế văn hóa, y tế và trường học gần khu công nghiệp, khu kinh tế để giữ chân người lao động gắn bó lâu dài.

Sở Công thương

Lồng ghép các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng vào chương trình khuyến công, xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở công nghiệp nông thôn về quản trị sản xuất, kinh doanh, thương mại điện tử, tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch hơn và an toàn lao động trong sản xuất công nghiệp.

Triển khai các hoạt động đào tạo, phát triển nhân lực logistics, nghiệp vụ xuất nhập khẩu, thương mại biên giới và thương mại điện tử xuyên biên giới.

Sở Nông nghiệp và Môi trường

Hướng dẫn thực hiện về nội dung đào tạo nghề nông nghiệp, đào tạo phát triển ngành nghề nông thôn

Thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, hỗ trợ xây dựng các chương trình chuyển đổi số nông nghiệp và phát triển các mô hình nông nghiệp hữu cơ, mô hình khởi nghiệp, nông nghiệp sạch đặc sản vùng cao, sáng tạo cho lao động nông nghiệp nông thôn.

Hướng dẫn người dân chuyển từ sản xuất nông nghiệp thuần túy sang tư duy kinh tế nông nghiệp đa dạng, tuần hoàn và gắn với chuỗi giá trị gắn với đẩy mạnh, thu hút nguồn nhân lực để phát triển hợp tác xã theo hướng xanh, số, bền vững.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Rà soát, đánh giá thực trạng và nhu cầu nguồn nhân lực trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và công nghiệp văn hóa; xác định nhu cầu về số lượng, cơ cấu, trình độ, kỹ năng, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại; chú trọng các kỹ năng về quản trị và kinh doanh du lịch, phát triển sản phẩm, marketing và xúc tiến du lịch, ngoại ngữ, kỹ năng số, thương mại điện tử, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ số trong hoạt động du lịch. Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ lao động du lịch; khuyến khích đào tạo theo nhu cầu sử dụng, đào tạo tại doanh nghiệp và gắn đào tạo với thực hành, thực tập, tuyển dụng sau đào tạo.

Ưu tiên phát triển đội ngũ nhân lực có chuyên môn sâu trong các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh như du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch biên giới; từng bước hình thành đội ngũ chuyên gia, nhân lực chất lượng cao về quản trị điểm đến, phát triển sản phẩm và tổ chức các hoạt động, sự kiện du lịch quy mô vùng, quốc gia và quốc tế.

Phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp văn hóa, tập trung vào các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh như nghệ thuật biểu diễn, thủ công mỹ nghệ, thiết kế sáng tạo, sản phẩm văn hóa gắn với di sản, lễ hội, văn hóa các dân tộc và các sản phẩm sáng tạo phục vụ du lịch; nâng cao năng lực sáng tạo, quản trị, kinh doanh, quảng bá và thương mại hóa sản phẩm văn hóa.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, nhất là đội ngũ cán bộ chuyên môn, nghệ nhân, người thực hành di sản và lực lượng trực tiếp tham gia hoạt động văn hóa tại cơ sở; phát huy vai trò của cộng đồng trong truyền dạy, bảo tồn và khai thác bền vững các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thể dục, thể thao; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ huấn luyện viên, hướng dẫn viên, trọng tài, cán bộ quản lý thể thao và lực lượng vận động viên thành tích cao; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong huấn luyện, quản lý và tổ chức các hoạt động thể thao.

Đẩy mạnh liên kết giữa Nhà nước - cơ sở đào tạo - doanh nghiệp - cộng đồng trong phát triển nguồn nhân lực văn hóa, thể thao và du lịch; khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo, đặt hàng đào tạo, tiếp nhận thực tập và tuyển dụng lao động sau đào tạo.

Tăng cường hợp tác với các trường đại học, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng nhân lực du lịch, văn hóa và các lĩnh vực có nhu cầu cao, từng bước tiếp cận các mô hình quản trị, đào tạo tiên tiến.

Khuyến khích, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực du lịch và văn hóa tại khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng cao, vùng biên giới; chú trọng đào tạo kỹ năng nghề, kỹ năng số, ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và quản trị hoạt động du lịch cộng đồng, góp phần tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân.

Sở Khoa học và công nghệ

Thúc đẩy thực hiện mô hình hợp tác "Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp" trong đào tạo nhân lực, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo; kết nối doanh nghiệp với các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ để đào tạo theo nhu cầu sử dụng, đặt hàng nghiên cứu, tiếp nhận thực tập sinh và tuyển dụng nhân lực sau đào tạo.

Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý công nghệ và nhân lực của doanh nghiệp về quản trị công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, thương mại điện tử, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và năng suất lao động.

Ưu tiên phát triển nhân lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh như nông nghiệp công nghệ cao, chế biến sâu khoáng sản và nông, lâm sản, kinh tế cửa khẩu, logistics, du lịch thông minh, thương mại điện tử, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tiếp nhận và làm chủ công nghệ, áp dụng hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng tiên tiến; thông qua đó đào tạo tại chỗ, nâng cao trình độ công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo và kỹ năng số cho người lao động.

Xây dựng, phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ; kết nối, huy động đội ngũ trí thức trong và ngoài tỉnh tham gia tư vấn, đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và giải quyết các bài toán phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

Sở Giáo dục và Đào tạo

Định hướng, điều chỉnh quy mô, cơ cấu ngành, nghề đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở kết quả dự báo nhu cầu nhân lực của tỉnh; ưu tiên các ngành, nghề phục vụ công nghiệp chế biến, chế tạo; kinh tế cửa khẩu, logistics; du lịch chất lượng cao; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chuyển đổi số.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp với doanh nghiệp tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng số, ngoại ngữ cho người lao động theo đặt hàng; hỗ trợ đánh giá, công nhận kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động.

Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông gắn với nhu cầu nhân lực của các ngành kinh tế động lực, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh.

b) Phân công thực hiện

- Sở Nội vụ chủ trì về thông tin thị trường lao động, dự báo cung - cầu, kết nối việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động; phối hợp xác định nhu cầu nhân lực theo từng

ngành và địa bàn. Theo dõi, tổng hợp chung về phát triển nguồn nhân lực theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì rà soát nhu cầu, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và công nghiệp văn hóa; phối hợp với các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và địa phương tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng số, ngoại ngữ và năng lực quản trị cho nguồn nhân lực; tham mưu các giải pháp thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển du lịch và các ngành công nghiệp văn hóa của tỉnh.

- Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì định hướng, điều chỉnh cơ cấu ngành, nghề đào tạo; tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng nghề cho người lao động gắn với nhu cầu sử dụng và đặt hàng của doanh nghiệp.

- Sở Công Thương: Chủ trì phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp, thương mại, logistics, xuất nhập khẩu và kinh tế cửa khẩu.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, ngành nghề nông thôn, nông nghiệp công nghệ cao và kinh tế nông nghiệp theo chuỗi giá trị.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì thúc đẩy phát triển nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và chuyển đổi số phục vụ các ngành, lĩnh vực trọng điểm.

- Cơ quan phối hợp, triển khai thực hiện: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo; doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan.

4.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Nhiệm vụ, giải pháp

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, năng lực khai thác dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; xây dựng lực lượng nhân lực nòng cốt về chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp; gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng thực tế của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và các ngành kinh tế trọng điểm.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực và doanh nghiệp; khuyến khích đổi mới công nghệ, thiết bị, quy trình sản xuất, quản trị, tự động hóa, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh. Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiếp cận công nghệ mới, công nghệ số, công nghệ xanh; tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ và doanh nghiệp trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và phát triển nguồn nhân lực.

- Xây dựng, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo; nâng cao năng lực của Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo tỉnh, các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tạo môi trường thực hành, nghiên cứu, thử nghiệm và phát triển nghề nghiệp cho nhân lực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, quản trị dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin, công nghệ số, quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và doanh nghiệp; chú trọng đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ đầu mối, chuyên gia và nhân lực kỹ thuật nòng cốt của tỉnh.

- Đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, giáo dục kỹ năng số, từng bước triển khai giáo dục trí tuệ nhân tạo trong nhà trường; xây dựng trường học thông minh, hoàn thiện hạ tầng số, học liệu số và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. Phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về khoa học, công nghệ; tổ chức hiệu quả các cuộc thi khoa học kỹ thuật, sáng tạo, khởi nghiệp dành cho học sinh, sinh viên, tạo nguồn nhân lực khoa học, công nghệ cho tỉnh.

- Bồi dưỡng năng lực số, năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học và quản lý cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp; hình thành đội ngũ giáo viên cốt cán về chuyển đổi số ở từng cấp học. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp mở mới, phát triển các ngành, nghề gắn với chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu, thương mại điện tử.

b) Phân công thực hiện

- Sở Nội vụ phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng số, ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp theo dõi, dự báo nhu cầu nhân lực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trên thị trường lao động.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì tham mưu, triển khai các nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thúc đẩy đào tạo chuyên sâu về công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, quản trị dữ liệu, an toàn thông tin; phát triển đội ngũ chuyên gia, nhân lực kỹ thuật nòng cốt và kết nối doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

- Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì phát triển giáo dục STEM/STEAM, giáo dục kỹ năng số, từng bước triển khai giáo dục trí tuệ nhân tạo trong nhà trường; bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo và phát triển ngành, nghề đào tạo gắn với yêu cầu chuyển đổi số.

- Cơ quan phối hợp, triển khai thực hiện: Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp.

4.4. Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và khu vực biên giới

a) Nhiệm vụ, giải pháp

- Đổi mới hướng nghiệp, đào tạo nghề gắn với sinh kế và nhu cầu thị trường; mở rộng khả năng tiếp cận thông tin, dịch vụ việc làm, tín dụng và các chính sách hỗ trợ. Tăng cường kết nối việc làm an toàn tại địa phương, các khu công nghiệp, khu kinh tế, địa phương khác và ở nước ngoài theo hợp đồng; hạn chế di cư tự phát, việc làm không ổn định, góp phần nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững. Chú trọng hướng nghiệp, đào tạo nghề, nâng cao kỹ năng phù hợp với điều kiện sản xuất, lợi thế địa bàn và nhu cầu thị trường, gắn kết quả đào tạo với khả năng tạo sinh kế và có việc làm bền vững.

- Lồng ghép hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án và chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và khu vực biên giới; huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, hỗ trợ sinh kế và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa bàn.

- Hoàn thiện và đưa hệ thống trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới vào hoạt động hiệu quả; củng cố, nâng cao chất lượng các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú; bảo đảm có 10% học sinh người dân tộc thiểu số cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông được học trong trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông nội trú, 100% trường nội trú đạt chuẩn theo quy định; thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với học sinh nội trú, bán trú, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, thu hẹp khoảng cách chất lượng giáo dục với vùng thuận lợi: tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học là người dân tộc thiểu số; tổ chức dạy tiếng dân tộc thiểu số trong trường học theo nhu cầu; mở rộng dạy học tiếng Trung Quốc tại các trường khu vực biên giới; củng cố, duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, nhất là ở cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

- Bố trí đủ giáo viên cho vùng đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới; thực hiện hiệu quả các chính sách thu hút, hỗ trợ, đãi ngộ (phụ cấp, nhà công vụ, luân chuyển, biệt phái) đối với giáo viên công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới; ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng giáo viên là người dân tộc thiểu số, giáo viên biết tiếng dân tộc thiểu số tại chỗ.

- Triển khai hiệu quả công tác cử tuyển, đào tạo theo địa chỉ, theo đặt hàng đối với học sinh người dân tộc thiểu số học khá, giỏi, học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú vào các ngành, lĩnh vực tỉnh có nhu cầu (y tế, giáo dục, nông nghiệp, công nghệ thông tin, du lịch...); bố trí, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lự sau đào tạo.

- Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đẩy mạnh tuyển sinh, đào tạo nghề cho thanh niên, lao động người dân tộc thiểu số gắn với sinh kế, nông nghiệp hàng hóa, du lịch cộng đồng, nghề truyền thống và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; phấn đấu tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động qua đào tạo đạt 70%.

- Lồng ghép giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc, giáo dục quốc phòng và an ninh, ý thức bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, kỹ năng sống, kỹ năng số trong nhà trường; phối hợp đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, xóa mù chữ, phổ cập kỹ năng số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới.

- Triển khai các chính sách phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và khu vực biên giới; rà soát, đánh giá thực trạng và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực người dân tộc thiểu số; phối hợp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc và cán bộ cơ sở; quan tâm phát triển đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số; lồng ghép các nguồn lực, chương trình, chính sách để nâng cao dân trí, chất lượng lao động, kỹ năng nghề, kỹ năng sản xuất, kinh doanh và khởi nghiệp cho đồng bào dân

tộc thiểu số, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và biên giới.

- Tổ chức thực hiện chính sách gắn với yêu cầu phát triển của từng vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới, bảo đảm nguồn lực đầu tư đúng trọng tâm, tránh dàn trải. Đẩy mạnh chuyển đổi số đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và khu vực biên giới để phát triển nông sản đặc trưng, du lịch cộng đồng và mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Triển khai các nội dung về giáo dục, đào tạo thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; bao gồm các chính sách giáo dục, đào tạo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia. Ưu tiên đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nông thôn, nâng cao kỹ năng lấy thực hành làm trọng tậm và kết nối việc làm cho lao động vùng khó khăn, hộ nghèo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đổi mới công tác đào tạo nghề theo hướng gắn với nhu cầu thị trường lao động, lợi thế kinh tế của từng vùng qua đó tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động người dân tộc thiểu số; gắn đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn với nhu cầu thực tế của từng vùng.

b) Phân công thực hiện

- Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì phát triển nguồn nhân lực thông qua giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp; nâng cao chất lượng trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú và trường nội trú liên cấp tại các xã biên giới; thực hiện các chính sách giáo dục, đào tạo, hướng nghiệp, phân luồng và đào tạo theo địa chỉ đối với học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới.

- Sở Dân tộc và Tôn giáo: Chủ trì tham mưu, triển khai các nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và khu vực biên giới; rà soát nhu cầu, phối hợp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc và cán bộ cơ sở; lồng ghép các chương trình, chính sách phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Sở Nội vụ: Chủ trì các nhiệm vụ về đào tạo nghề gắn với việc làm, kết nối cung - cầu lao động, hỗ trợ người lao động tiếp cận thị trường lao động và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì các nhiệm vụ đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn gắn với hỗ trợ sinh kế và nhu cầu thị trường lao động.

- Cơ quan phối hợp, triển khai thực hiện: Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

4.5. Thu hút, phát triển và trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao

a) Nhiệm vụ, giải pháp

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách thu hút, đào tạo, hỗ trợ, đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh; Rà soát, hoàn thiện chính sách thu hút, sử dụng, đãi ngộ và giữ chân nhân lực chất lượng cao, chuyên gia, nhà khoa học, bảo đảm đồng bộ giữa chính sách thu hút, môi trường làm việc, cơ hội phát triển nghề nghiệp và chế độ khuyến khích phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Xây dựng cơ chế phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài; khuyến khích chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia phát triển tỉnh;

- Phát triển đội ngũ chuyên gia trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, y tế, giáo dục, logistics, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao;

- Xây dựng cơ chế đặt hàng đào tạo đối với các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo gắn với nhu cầu sử dụng nhân lực của tỉnh; ưu tiên các ngành, lĩnh vực trọng điểm, bảo đảm tuyển dụng, bố trí và sử dụng hiệu quả sau đào tạo; Đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài nước; mở rộng hợp tác quốc tế về đào tạo nguồn nhân lực;

- Phối hợp với Đại học Thái Nguyên triển khai Thỏa thuận hợp tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và Đại học Thái Nguyên về hợp tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030; ưu tiên đào tạo theo nhu cầu, đặt hàng của tỉnh; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành, lĩnh vực trọng điểm; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đào tạo, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, kỹ năng số và thương mại điện tử cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và biên giới. Nghiên cứu xây dựng, triển khai Đề án hợp tác giữa tỉnh Lào Cai với Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên thành lập Trung tâm Đào tạo và thực hành lâm sàng tại Bệnh viện Đa khoa số 2 tỉnh Lào Cai theo mô hình Viện - Trường, tạo điều kiện đào tạo, thực hành tại chỗ, góp phần thực hiện các chỉ tiêu đào tạo nhân lực y tế.

- Thực hiện đào tạo cán bộ, công chức, viên chức ở nước ngoài theo nhu cầu phát triển của tỉnh.

b) Phân công thực hiện

- Sở Nội vụ chủ trì rà soát, đề xuất hoàn thiện chính sách thu hút, sử dụng và giữ chân nhân lực chất lượng cao; phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức triển khai theo lộ trình hằng năm;

- Sở Giáo dục vào Đào tạo chủ trì xây dựng cơ chế đặt hàng đào tạo đối với các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo. Là đầu mối tổng hợp nhu cầu đào tạo trình độ đại học, sau đại học; đào tạo lại, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giáo viên, giảng viên thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo, phối hợp phối hợp với Trường Đại học Thái Nguyên và các đơn vị thành viên để trao đổi, xác định các nội dung hợp tác trọng tâm trong giai đoạn 2026 - 2030 và xây dựng kế hoạch triển khai hằng năm;

- Sở Y tế chủ trì Nghiên cứu xây dựng, triển khai Đề án hợp tác giữa tỉnh Lào Cai với Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên thành lập Trung tâm Đào tạo và thực hành lâm sàng tại Bệnh viện Đa khoa số 2 tỉnh Lào Cai theo mô hình Viện - Trường, tạo điều kiện đào tạo, thực hành tại chỗ, góp phần thực hiện các chỉ tiêu đào tạo nhân lực y tế;

- Phối hợp: Sở Ngoại vụ, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển nguồn nhân lực

a) Nhiệm vụ, giải pháp

** Hợp tác quốc tế trong đào tạo cán bộ, công chức, viên chức:*

- Mở rộng hợp tác với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và đối tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi học thuật, chuyển giao công nghệ và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Tăng cường hợp tác với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và các đối tác phù hợp về đào tạo nhân lực kinh tế cửa khẩu, logistics, thương mại, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số; nâng cao ngoại ngữ và kỹ năng hội nhập cho cán bộ, người lao động.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tập trung khai thác các thị trường, ngành nghề có thu nhập ổn định, điều kiện làm việc tốt và phù hợp với trình độ, kỹ năng của người lao động. Đào tạo ngoại ngữ, kỹ năng nghề và kiến thức cần thiết phù hợp cho người lao động để đáp ứng yêu cầu của thị trường tiếp nhận.

- Xây dựng và triển khai các đề án, chương trình cử cán bộ, công chức, viên chức, văn nghệ sĩ và nhân lực trẻ có triển vọng tham gia đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài, tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm như chuyển đổi số, khoa học công nghệ, quản trị hiện đại, văn hóa, nghệ thuật, du lịch và bảo tồn di sản. Tổ chức các chương trình bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ, kỹ năng hội nhập quốc tế và tác phong làm việc chuyên nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Phát triển thị trường lao động gắn kết với thị trường quốc tế; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Tăng cường kết nối cung - cầu lao động; hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề, ngoại ngữ, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập và nâng cao trình độ, kỹ năng cho lực lượng lao động của tỉnh.

** Hợp tác quốc tế trong đào tạo nhân lực lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo*

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo; tạo điều kiện cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, học sinh, sinh viên tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài; khuyến khích thu hút chuyên gia, giáo viên, tình nguyện viên quốc tế tham gia giảng dạy tại tỉnh, nhất là giảng dạy ngoại ngữ.

Triển khai hiệu quả Đề án "Đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045" trên địa bàn tỉnh; mở rộng dạy học tiếng Trung Quốc; tăng cường hợp tác giáo dục, đào tạo với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và các đối tác quốc tế.

Tuyển chọn, cử học sinh, sinh viên đi học tập ở nước ngoài theo các chương trình hợp tác, hiệp định, học bổng; ưu tiên các ngành khoa học cơ bản, công nghệ, kỹ thuật và các lĩnh vực đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Liên kết, hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh với các cơ sở đào tạo của nước ngoài.

** Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo nhân lực Khoa học công nghệ*

- Xây dựng, tiếp nhận và triển khai các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về phát triển nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; huy động các nguồn tài trợ, viện trợ, học bổng và nguồn lực hợp pháp của tổ chức quốc tế, đối tác nước ngoài phục vụ đào tạo, nghiên cứu và phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

- Kết nối các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp của tỉnh với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ và mạng lưới đổi mới sáng tạo quốc tế; thúc đẩy chuyển giao công nghệ, tiếp nhận tri thức, kinh nghiệm quản trị tiên tiến.

- Xây dựng mạng lưới kết nối chuyên gia, nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế; khuyến khích tham gia tư vấn chính sách, đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ.

** Hợp tác quốc tế trong đào tạo nhân lực lĩnh vực Văn hóa, Du lịch:*

Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng làm việc trong môi trường quốc tế cho đội ngũ làm công tác du lịch, văn hóa và thể thao; từng bước hình thành đội ngũ nhân lực có khả năng tham gia các hoạt động giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế. Gắn hợp tác quốc tế về phát triển nguồn nhân lực với việc quảng bá hình ảnh, văn hóa, con người Lào Cai.

b) Phân công thực hiện

- Sở Nội vụ chủ trì nhiệm vụ hợp tác, phát triển thị trường lao động và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; phối hợp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền.

- Sở Ngoại vụ: phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu đưa các nội dung trao đổi, đề xuất hợp tác về phát triển nguồn nhân lực vào chương trình làm việc của lãnh đạo tỉnh với các địa phương, đối tác nước ngoài phù hợp; theo dõi tình hình hợp tác quốc tế về phát triển nguồn nhân lực; phối hợp triển khai các đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tại nước ngoài.

- Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo; tham mưu triển khai các chương trình, đề án cử học sinh, sinh viên, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài; kết nối các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước theo nhu cầu của tỉnh.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển giao công nghệ; kết nối chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức nghiên cứu và doanh nghiệp công nghệ quốc tế phục vụ phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi kinh nghiệm và phát triển nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và công nghiệp văn hóa.

- Cơ quan phối hợp, triển khai thực hiện: Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và huy động nguồn lực phát triển nguồn nhân lực

a) Nhiệm vụ, giải pháp

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030;

- Nghiên cứu, ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án "Đưa công dân Việt Nam đi học tại Liên bang Nga, Trung Quốc, các nước Đông Âu và các nước thuộc Liên Xô cũ giai đoạn 2026 - 2035" trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

- Ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện các mục tiêu phát triển nguồn nhân lực; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và phát triển khoa học, công nghệ;

- Tăng cường hợp tác quốc tế; huy động các nguồn lực hợp pháp trong và ngoài nước để đầu tư phát triển nguồn nhân lực;

- Định kỳ đánh giá hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án; kịp thời điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

b) Phân công thực hiện

- Sở Tài chính chủ trì tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách;

- Sở Nội vụ chủ trì rà soát, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực;

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, tham mưu xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án "Đưa công dân Việt Nam đi học tại Liên bang Nga, Trung Quốc, các nước Đông Âu và các nước thuộc Liên Xô cũ giai đoạn 2026 - 2035" trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

- Các sở, ban, ngành và địa phương chủ động lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án.

(Có Phụ biểu các chỉ tiêu; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

và phân công nhiệm vụ gửi kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành. Huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- Là Cơ quan Thường trực, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch;

- Có trách nhiệm chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ về xây dựng, phát triển, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nhiệm vụ giải quyết việc làm và thông tin cung-cầu lao động.

- Định kỳ hàng năm (**trước ngày 10/12 hàng năm**), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 88-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030 và thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu. Tham mưu sơ kết thực hiện Nghị quyết vào năm 2028, tổng kết thực hiện Nghị quyết vào năm 2030.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ về giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp. Tham mưu triển khai thực hiện đồng bộ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035 gắn với Kế hoạch này; tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030.

- Chủ trì nghiên cứu, tham mưu cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh về phát triển giáo dục, đào tạo.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực của tỉnh; sử dụng kết quả dự báo nhu cầu nhân lực để định hướng phân luồng, tuyển sinh, mở ngành, nghề đào tạo.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực; hỗ trợ ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và trí tuệ nhân tạo trong đào tạo, quản lý và phát triển nguồn nhân lực.

- Là đầu mối tổng hợp, đặt hàng theo nhu cầu, phối hợp triển khai các chương trình đào tạo theo đặt hàng; hỗ trợ đào tạo sau đại học, đào tạo chuyên sâu, thực tập, nghiên cứu và trao đổi chuyên gia trong các lĩnh vực tỉnh có nhu cầu; gắn đào tạo với nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dự án chuyển đổi số, đổi mới công nghệ và nhu cầu sử dụng nhân lực của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xác định nhu cầu nhân lực theo từng lĩnh vực, trình độ và giai đoạn phát triển của tỉnh.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Triển khai đào tạo nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực của ngành; triển khai hiệu quả công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn từ Chương trình mục tiêu quốc gia, góp phần nâng cao chất lượng lao động nông nghiệp, nông thôn, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp; trong đó tập trung đào tạo nâng cao, chuyên sâu cho lao động trong các vùng nguyên liệu, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại để hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại, đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp và Môi trường; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành nông nghiệp.

5. Sở Công Thương

- Chủ trì triển khai các nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại, logistics, kinh tế cửa khẩu;

- Rà soát, tổng hợp thông tin về định hướng phát triển, các dự án công nghiệp, thương mại, năng lượng và nhu cầu nhân lực của ngành gửi Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, dự báo, xác định ngành, nghề đào tạo ưu tiên; phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp tổ chức đào tạo theo nhu cầu sử dụng; lồng ghép nhiệm vụ vào chương trình khuyến công, xúc tiến thương mại hằng năm; theo dõi, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành quản lý.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện các nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách. Định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, gửi Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì rà soát, đánh giá thực trạng, nhu cầu và dự báo nguồn nhân lực trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch và công nghiệp văn hóa; xác định nhu cầu về số lượng, cơ cấu, trình độ, kỹ năng, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa và các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh.

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và công nghiệp văn hóa theo chức năng, nhiệm vụ được giao; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng số, ngoại ngữ, kỹ năng quản trị, đổi mới sáng tạo và khả năng thích ứng với yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

- Phối hợp với các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng gắn với nhu cầu sử dụng nhân lực thực tế; ưu tiên các lĩnh vực du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch biên giới; quản trị điểm đến, phát triển sản phẩm, xúc tiến quảng bá và chuyển đổi số trong du lịch.

- Phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp văn hóa; chú trọng các lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, thiết kế sáng tạo, thủ công mỹ nghệ, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, phát triển sản phẩm văn hóa gắn với du lịch; nâng cao năng lực sáng tạo, quản lý, kinh doanh, quảng bá và thương mại hóa sản phẩm văn hóa. Phát triển đội ngũ làm công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa; nghệ nhân, người thực hành di sản, lực lượng văn hóa cơ sở và nguồn nhân lực trực tiếp tham gia hoạt động văn hóa, du lịch tại cộng đồng, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới.

- Tăng cường hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và tổ chức trong nước, quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi chuyên gia, chia sẻ kinh nghiệm và phát triển nguồn nhân lực; ưu tiên các lĩnh vực du lịch, công nghiệp văn hóa, bảo tồn di sản, chuyển đổi số và quản trị hiện đại.

- Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và công nghiệp văn hóa; định kỳ tổng hợp, báo cáo Sở Nội vụ để tổng hợp chung, đồng thời kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

7. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện, bảo đảm các nhiệm vụ được triển khai đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tế của vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và khu vực biên giới.

Chủ động lồng ghép với các chương trình, đề án, chính sách có liên quan để nâng cao hiệu quả thực hiện và sử dụng nguồn lực.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện các nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách. Định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, gửi Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo.

8. Sở Ngoại vụ

- Chủ trì theo dõi tình hình hợp tác quốc tế về phát triển nguồn nhân lực địa phương; tăng cường tham mưu kết nối, hợp tác với các địa phương, đối tác nước ngoài nhằm tạo tiền đề cho việc hợp tác cụ thể trong việc phát triển nguồn nhân lực; phối hợp với các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế phù hợp.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện các nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách. Định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, gửi Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo.

9. Sở Tài chính

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí và phối hợp kiểm tra việc sử dụng ngân sách bảo đảm hiệu quả, đúng quy định.

Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

10. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, cụ thể hóa và chủ động tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch. Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện.

11. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ Kế hoạch này, cụ thể hóa thành Kế hoạch của địa phương để triển khai thực hiện hoặc lồng ghép thực hiện nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình, đề án có liên quan. Phân công rõ trách nhiệm thực hiện, thường xuyên theo dõi, đánh giá tiến độ, kết quả; chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Định kỳ, trước ngày 31/11 hàng năm hoặc khi có yêu cầu đột xuất, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 88-NQ/TU ngày 13/7/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030 gửi Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

12. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy

- Phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết số 88-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; chủ trì tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực trong công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, điều động, luân chuyển, đánh giá cán bộ theo phân cấp quản lý; chủ trì tham mưu xây dựng và triển khai Đề án tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ

nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học - công nghệ và cán bộ chiến lược của tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể tỉnh

- Tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia học tập, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số, góp phần phát triển nguồn nhân lực của tỉnh; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; vận động, huy động sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và các nguồn lực xã hội hóa hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 88-NQ/TU ngày 13/7/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương và đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (VX);
- Các ban, sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường.
- Báo và PTTH tỉnh, Trung tâm TTHN tỉnh;
- Lưu: VT, VX (Thủy).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thị Hiền Hạnh